

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-ST
Ngày: 16-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở.

Bà Trần Thị Hằng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 265/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 4 ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: D Khu phố N, phường T, tỉnh Tây Ninh.

(Ông N có mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2025 của ông Nguyễn Thanh N và các lời trình bày có trong hồ sơ có nội dung:

Ngày 14/9/2022, bà Trần Thị Kim T có mượn ông Nguyễn Thanh N số tiền 200.000.000đ, hẹn trong thời hạn 02 tháng trả, mục đích vay tiền là lo sinh hoạt cho gia đình, lãi suất vay thoả thuận là 1,66%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông nhiều lần liên lạc với bà T yêu cầu trả tiền nhưng bà T cứ hẹn lần hẹn lượt không chịu trả. Tuy có thoả thuận lãi suất

vay nhưng ông N chưa lần nào nhận được tiền lãi từ bà T. Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cho ông N số tiền gốc mượn là 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/9/2022 tạm tính đến ngày 14/5/2025 là 32 tháng với mức lãi suất là 1,66%/tháng là 106.240.000đ, tổng cộng là 306.240.000đ.

Tại phiên toà, ông N yêu cầu bà T tiếp tục chịu lãi suất đến thời điểm xét xử với số tiền là 119.520.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 319.520.000đ. Ông N thừa nhận có nhận chuyển khoản số tiền 70.000.000đ ngày 24/8/2024 từ bà T nhưng không phải là tiền bà T trả cho khoản vay 200.000.000đ ngày 14/9/2022 mà chuyển trả cho khoản vay 50.000.000đ được ông N cho bà T vay thông qua hình thức chuyển khoản ngày 20/7/2023 (có chứng từ kèm theo), còn 20.000.000đ còn lại là bà T trả cho ông tiền hoa hồng mà bà T nhờ ông giới thiệu người nhận chuyển nhượng đất của bà T. Ông N không đồng ý cản trừ số tiền 70.000.000đ này vào số tiền gốc và lãi đối với khoản vay 200.000.000đ ngày 14/9/2022 của bà T.

Bị đơn, bà Trần Thị Kim T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Kim T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của bà T đối với yêu cầu khởi kiện của ông N. Ngày 09/9/2025, bà T có làm đơn xin hoãn phiên toà và cung cấp cho Tòa án 01 văn bản “Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có” tại Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh L có nội dung “TRAN THI KIM THE chuyen truoc 50 trieu tien goc va 20trieu tien lai” cho Nguyễn Thanh N với số tài khoản là 102004324870 Ngân hàng V vào ngày 24/8/2024 nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến của bà T đối với việc khởi kiện của ông N. Phiên toà hôm nay, bà T cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N là có căn cứ tuy nhiên đối với yêu cầu về việc tính lãi suất cho vay là không phù hợp nên đề nghị đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N, điều chỉnh lại lãi suất cho vay và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Thanh N khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Trần Thị Kim T có địa chỉ cư trú tại phường T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Bị đơn là bà Trần Thị Kim T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định

hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bà T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà T không chấp hành nên việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: theo lời trình bày của ông Nguyễn Thanh N thì vào ngày 14/9/2022, ông Nguyễn Thanh N có cho bà Trần Thị Kim T vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn trả là 02 tháng, mục đích vay tiền là để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, lãi suất vay là 1,66%/tháng được các bên thoả thuận miệng không ghi vào trong giấy vay tiền. Sau khi hết thời hạn cho vay, ông N đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T vẫn chưa trả cho ông N số tiền trên nên ông N mới khởi kiện bà T tại Tòa án. Kèm theo lời trình bày của mình, ông N cung cấp cho Tòa án 01 “Giấy mượn tiền” ngày 14/9/2022 có chữ ký và chữ viết tên bà Trần Thị Kim T. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung “Giấy mượn tiền” ngày 14/9/2022 có chữ ký và chữ viết tên Trần Thị Kim T thì đủ cơ sở để xác định bà T có vay ông N số tiền là 200.000.000đ, không có lãi suất. Bà T được tòa án triệu tập hợp lệ, biết được việc ông N khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền đã vay và bà T đã nộp một số chứng cứ, chứng từ xác định là bà T có chuyển khoản cho ông N số tiền là 70.000.000đ. Ông N thừa nhận bà T ngoài vay ông số tiền này còn vay thêm số tiền khác là 50.000.000đ (có chứng từ chuyển khoản kèm theo) và xác định số tiền bà T chuyển khoản cho ông là để trả số tiền của khoản vay 50.000.000đ chuyển khoản và 20.000.000đ là tiền hoa hồng bà T cho ông khi môi giới chuyển nhượng đất của bà T.

[4] Xét thấy, ông N cùng bà T đều đưa ra được các chứng từ chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng nên xác định số tiền 50.000.000đ bà T chuyển khoản được trừ vào khoản tiền 50.000.000đ ông N cho bà T vay thông qua hình thức chuyển khoản, xem như các bên đã cân trừ xong. Đối với số tiền 20.000.000đ còn lại được bà T xác định trong tin nhắn là tiền lãi, ông N cho rằng đó là tiền hoa hồng môi giới khi ông giới thiệu người nhận chuyển nhượng đất của bà T nhưng ông N không chứng minh được đó là tiền hoa hồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là tiền lãi được xác định theo nội dung tin nhắn khi chuyển khoản của bà T. Do khoản vay 50.000.000đ thông qua chuyển khoản, ông N không xác định được lãi suất cho vay đối với khoản vay này, cũng không xác định thời hạn trả tiền nên cũng không có căn cứ xem xét cân trừ số tiền 20.000.000đ tiền lãi này vào tiền lãi đối với khoản vay 50.000.000đ theo hình thức chuyển khoản. Vì vậy, số tiền 20.000.000đ tiền lãi sẽ được xem xét cân trừ vào khoản vay 200.000.000đ được giao kết bằng “Giấy mượn tiền” ngày 14/9/2022. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T không chứng minh được là bà đã trả cho ông N số tiền 200.000.000đ đã vay vào ngày 14/9/2022 nên việc ông N khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông số tiền gốc 200.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất cho vay: ông N cho rằng ông và bà T có thoả thuận miệng lãi suất cho vay là 1,66%/tháng nhưng không thể hiện trong giấy vay tiền. Bà T không đến nên Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến của bà T về phần lãi suất thoả thuận. Ông N cho rằng các bên thoả thuận lãi suất miệng là 1,66%/tháng nhưng không có gì chứng minh được việc có thoả thuận lãi suất cho vay nên yêu cầu tính lãi suất cho vay là không được chấp nhận. Tuy nhiên, do thời hạn vay chỉ có 02 tháng nên khi hết hạn vay, ông N có quyền yêu cầu bà T phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của ông N được chấp nhận một phần là mức lãi suất chậm trả, cụ thể như sau:

+ Tính đến ngày 24/8/2024, bà T phải trả số tiền lãi là:

$200.000.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 09 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 35.500.000đ$

Ngày 24/8/2024, bà T đã trả 20.000.000đ tiền lãi thông qua hình thức chuyển khoản nên vẫn còn nợ tiền lãi là 15.500.000đ.

+ Tiền lãi tính từ ngày 25/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 16/9/2025 cụ thể như sau:

$200.000.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 22 \text{ ngày} = 21.222.000đ$

Tổng cộng tiền lãi bà T phải chịu là $15.500.000đ + 21.222.000đ = 36.722.000đ$. Ông N yêu cầu bà T phải trả số tiền lãi là 119.520.000đ nhưng Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần là 36.722.000đ, không có căn cứ chấp nhận số tiền 82.798.000đ.

Như vậy, bà T phải trả gốc vay và tiền lãi suất là: $200.000.000đ + 36.722.000đ = 236.722.000đ$.

[6] Về phương thức thanh toán: Ông N yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả tiền vay, bà T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà T trả cho ông N số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.140.000đ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.836.000đ đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả cho ông số tiền gốc vay là 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 36.722.000đ, tổng cộng là 236.722.000đ.

Buộc Bà Trần Thị Kim T trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền gốc vay là 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 36.722.000đ, tổng cộng là 236.722.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền lãi là 82.798.000đ.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 11.836.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí là 4.140.000đ. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 7.656.000đ theo biên lai thu số 0000158 ngày 29/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh) sang án phí dân sự sơ thẩm, ông N được nhận lại 3.516.000đ.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- THA DS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh

